

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2010 / 08 / 11 / 2024

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công ty TNHH Nam Dược
3	Địa chỉ	Lô M13 (C4-9), KCN Hòa Xá, xã Mỹ Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam
4	Ký hiệu mẫu	KT1: Mẫu khí thải tại lò hơi X: 2259576 Y: 566668,9
5	Ngày lấy mẫu: 26/10/2024	Ngày phân tích: 26/10/2024-08/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT1	QCSS
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	8456	-
2	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US EPA Method 05	120	200
3	CO	mg/Nm ³	HD.QT.KT-04	7,98	1000
4	SO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-05	314,4	500
5	NO ₂	mg/Nm ³	HD.QT.KT-03	88,36	850

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**

Th.S Vũ Quang Huy

**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**

Nguyễn Phan Hương Ly

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
- (*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2011 / 08 / 11 / 2024

1	Tên mẫu	Mẫu khí thải
2	Tên khách hàng	Công ty TNHH Nam Dược
3	Địa chỉ	Lô M13 (C4-9), KCN Hòa Xá, xã Mỹ Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam
4	Ký hiệu mẫu	KT2: Mẫu khí thải của phòng thí nghiệm X: 225958,5 Y: 566712,1
5	Ngày lấy mẫu: 26/10/2024	Ngày phân tích: 26/10/2024-08/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT2	QCSS
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	5566	-
2	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	13,3	50
3	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	KPHT	7,5
4	H ₂ SO ₄ *	mg/Nm ³	US EPA Method 08	KPH (LOD=2)	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ

- (*) - Các chỉ tiêu phân tích bởi nhà thầu phụ

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH**
Th.S Vũ Quang Huy**TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH**
Nguyễn Phan Hương Ly

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG
PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
- (*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích

**VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 3 số 158- Phố Hạ Đình – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Giấy phép Số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KH&CN Tp. Hà Nội cấp ngày 08/12/2017

Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ TN & MT cấp

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2017 / 08 / 11 / 2024

1	Tên mẫu	Mẫu nước thải
2	Tên khách hàng	Công ty TNHH Nam Dược
3	Địa chỉ	Lô M13 (C4-9), KCN Hòa Xá, xã Mỹ Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam
4	Ký hiệu mẫu	NT: Mẫu nước thải đầu ra của HTXL nước thải trước khi xả thải ra môi trường X: 2259580 Y: 566668,1
5	Ngày lấy mẫu: 26/10/2024	Ngày phân tích: 26/10/2024-08/11/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				NT	Cột B
1	Lưu lượng	m ³ /h	ISO 748:2017	3,4	-
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	5,5 đến 9
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	89,53	100
4	Độ màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (C)	63,5	150
5	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	28,1	50
6	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	44,8	150
7	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	5,04	40
8	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	0,5	6
9	Sulfua (S ₂ ⁻)	mg/L	TCVN 6637:2000	<0,02	0,5
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	280,32	1000
11	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,02	10
12	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3500-Fe.B:2017	0,21	5
13	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2017	<0,002	0,1
14	Dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,5	10
15	Tổng phenol	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	0,5
16	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2100	5000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Cột B - Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

**ĐẠI DIỆN
NHÓM PHÂN TÍCH****Th.S Vũ Quang Huy****TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH****Nguyễn Phan Hương Ly**

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2024

VIỆN TRƯỞNG**PGS. TS Đinh Ngọc Tấn**

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.
- (*) Các chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ phân tích